

Bản án số: 07/2024/DSST

Ngày: 25/3/2024

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Bảo Huyền Trân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2024/QĐST-DS, ngày 06/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; Địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Gia L, chức vụ: Chuyên viên khách hàng; Địa chỉ liên hệ: Số B đường Ô, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số: 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 và Giấy ủy quyền số 26/2024/UQ-PGDCC ngày 25/3/2024), (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Phạm Thu G**, sinh năm: 1997; Địa chỉ: K đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Ngày 12/09/2022, bà Nguyễn Phạm Thu G có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà G, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 20.000.000đ với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp tín dụng đã thực hiện 07 giao dịch với tổng số tiền là 36.982.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 10/12/2022 bà G đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 17.803.749đ. Trong đó: Phí trễ hạn: 0đ, lãi: 183.062đ, Phí vượt hạn mức: 0đ và phí khác: 399.000đ và gốc 17.221.687đ (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến ngày 11/03/2023, bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà G và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo Điều 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng dẫn chiếu như sau: Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên tài khoản. Lãi được tính như sau: Đối với các giao dịch mua hàng hóa (không áp dụng với Thẻ tín dụng Family), phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên Tài khoản (Ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt). Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ vào hoặc trước ngày đến hạn, Chủ thẻ phải thanh toán lãi cho đơn vị phát hành thẻ đối với các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch hiện tại đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ). Và các Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã được khách hàng đọc và đồng ý chấp nhận cách tính lãi trên với Ngân hàng khi mở thẻ tín

dụng). Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Phạm Thu G phải thanh toán tổng số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 25/03/2024: dư nợ: 21.593.470đ, lãi quá hạn: 10.452.400đ, tổng cộng: 32.045.870đ và bà G phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/3/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đã giao nộp toàn bộ tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án. Ngân hàng chưa gửi tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho bị đơn. Ngân hàng không bổ sung tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Phạm Thu G mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp pháp luật trong tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Phạm Thu G tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 15/9/2022, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 20.000.000đ cho bà G. Sau khi được cấp tín dụng bà G đã thực hiện 07 giao dịch với tổng số tiền 36.982.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 10/12/2022, bà G đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.803.749đ. Đến ngày 11/3/2023, bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà G và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/3/2024 bà G còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền: 32.045.870đ, trong đó dư nợ: 21.593.470đ, lãi quá hạn: 10.452.400đ.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Phạm Thu G phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 26/3/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Phạm Thu G là hợp đồng vay tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cho bà G số tiền 20.000.000đ, bà G đã nhận thẻ tín dụng. Quá trình sử dụng thẻ bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hàng tháng theo các kỳ sao kê kể từ ngày 11/3/2023 cho đến nay. Như vậy, bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) mà các bên đã ký kết nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Nguyễn Phạm Thu G phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền: 32.045.870đ, trong đó dư nợ: 21.593.470đ, lãi quá hạn: 10.452.400đ (tạm tính đến ngày 25/3/2024) và bà Nguyễn Phạm Thu G có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 26/3/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng số đã ký kết giữa các bên cho đến khi tất toán khoản vay là có

căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, bà Nguyễn Phạm Thu G phải chịu án phí trên số tiền phải trả  $32.045.870đ \times 5\% = 1.602.300đ$  (*một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn ba trăm đồng, đã làm tròn*).

[5] Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Phạm Thu G.

2. Xử: Buộc bà Nguyễn Phạm Thu G phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 32.045.870đ (*ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi đồng*), trong đó dư nợ: 21.593.470đ; lãi quá hạn: 10.452.400đ (tạm tính đến ngày 25/3/2024).

Kể từ ngày 26/3/2024 bà Nguyễn Phạm Thu G còn phải tiếp tục trả các khoản nợ lãi phát sinh trên số tiền dư nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/9/2022 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Phạm Thu G cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.602.300đ (*một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn ba trăm đồng, đã làm tròn*) bà Nguyễn Phạm Thu G phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 613.004đ (*Sáu trăm mười ba nghìn không trăm lẻ bốn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002240 ngày 24 tháng 10 năm 2023.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND quận T;
- CCTHADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Bảo Huyền Trân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**